TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 521/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/285 H, phường C, quận L, thành phố H; tạm trú: Số 114 N, phường N, quận L, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn B; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/285 H, phường C, quận L, thành phố H; tạm trú: Số 114 N, phường N, quận L, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2019, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận L, H vào ngày 12/4/2008, đến nay có 01 con chung là Hoàng Duyên Thành, sinh ngày 04/10/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 01/2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, anh B không tin tưởng chị, thường xuyên ghen tuông, đánh đập, đe dọa, chửi bới xúc phạm chị. Hơn nữa, cũng tại thời điểm này, anh B bị tai nạn tàu phải điều trị bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng thì chị được bác sỹ thông báo anh B bị nhiễm HIV và có chất gây nghiện trong người. Chị và gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng đến nay vẫn không thay đổi; đầu năm 2019, anh B đã đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, Tiên Lãng, Hải Phòng, đến tháng 6/2019 trở về sinh sống cùng gia đình. Từ khi trở về nhà, anh B vẫn tiếp tục chửi bới, xúc phạm, thậm chí còn đánh đập chị. Từ đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, không thể dung hòa được; ngày 02/7/2019 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, do chị có thu nhập ổn định, bình quân 11.000.000đồng/tháng nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị D nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Hoàng Văn B trình bày: Về quá trình kết hôn và có con chung như chị D trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 1/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh hay ghen tuông, nghi ngờ chị D không chung thủy, còn chị D lại thường xuyên đi sớm về khuya không rõ lý do; thêm vào đó, chị D luôn coi thường anh và gia đình anh, cư xử với anh không khéo léo, nhẹ nhàng. Từ đó, anh bức xúc nên đã chửi bới, thậm chí đánh đập chị D khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hơn nữa, anh bị nhiễm HIV từ năm 2009; từ tháng 1/2019 đến tháng 6/2019 anh lại đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, Tiên Lãng, Hải Phòng, khi trở về nhà thì tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà còn xa cách, lạnh nhạt hơn, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở từ ngày 02/7/2019, anh đã nhiều lần động viên nhưng chị D không trở về nhà sinh sống cùng anh nữa. Nay anh xác định, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng có thể hóa giải được, anh còn yêu thương chị D nên không đồng ý ly hôn mà xin được

đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, quá trình làm việc tại Tòa án thì anh có nguyện vọng được nuôi con đến khi thành niên cho dù anh không có công việc, không có thu thập ổn định. Tại phiên tòa anh thay đổi quan điểm đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh đồng ý để chị D nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị D và anh B xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận L, H vào năm 2008 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn; về con chung: Giao con chung là Hoàng Duyên T, sinh ngày 04/10/2009 cho chị D nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn B. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa B quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, quận L, H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01 ngày 12/4/2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, anh B nghi ngờ chị D không chung thủy nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm, thậm chí đánh đập chị D; hơn nữa, anh B mắc nghiện ma túy và bị nhiễm

HIV nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ngày 02/7/2019 chị D đã đưa con về nhà bố mẹ để để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị D và anh B tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã lẫn nhau, anh B nhiều lần đánh đập chị D, có lần chính quyền địa phương phải can thiệp; đầu năm 2019 anh B đi cai nghiện ma túy thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn và chị D đã đưa con đi nơi khác để ở. Do vậy, việc chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh B đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn B là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Duyên T, sinh ngày 04/10/2009, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi thì cháu Thành ở cùng với chị D, có cuộc sống ổn định; hơn nữa, tại phiên tòa anh B cũng đồng ý giao con cho chị D nuôi. Nguyện vọng của chị D phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Duyên T, sinh ngày 04/10/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị D đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0013195 ngày 16 tháng 5 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Chị D và anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường C, L, H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương